TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 12-Phòng Tổ chức - Lao động tiền lương

Tháng 8 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương Chủ nhật		Lương phép		Lương 100%		Giờ PN	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ						Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương		HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Phí ở chung cư			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**91**		**46.093.050**	**2**	**854.000**	**6**	**1.954.846**	**5**	**1.515.769**	**88.877**	**0,30**	**417.000**	**50.923.542**	**2.565.100**	**481.100**	**320.900**	**509.200**	**220.000**		**4.096.300**	**46.827.242**	
1	HL-00027	Trần Hoàng Dương	Trưởng phòng	7.882.000	21	A	13.158.450					5	1.515.769				14.674.219	630.600	118.300	78.900	146.700	55.000		1.029.500	13.644.719	
2	HL-00028	Đặng Thị Miều	Phó phòng	8.865.000	25	A	11.850.300							88.877			11.939.177	709.300	133.000	88.700	119.400	55.000		1.105.400	10.833.777	
3	HL-00029	Nguyễn Văn Thỏa	Phó phòng	6.843.000	25	A	10.542.150								0,30	417.000	10.959.150	547.500	102.700	68.500	109.600	55.000		883.300	10.075.850	
4	HL-03444	Nguyễn Hoài An	Phó phòng	8.471.000	20	A	10.542.150	2	854.000	6	1.954.846						13.350.996	677.700	127.100	84.800	133.500	55.000		1.078.100	12.272.896	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**447**		**143.296.100**	**3**	**1.056.000**	**33**	**8.439.385**			**336.527**			**153.128.012**	**9.309.700**	**1.746.300**	**1.164.800**	**1.531.300**	**1.045.000**	**1.069.000**	**15.866.100**	**137.261.912**	
5	HL-00197	Hoàng Văn Chính	Chuyên viên	7.892.000	20	A	8.684.900	3	1.056.000	6	1.821.231						11.562.131	631.400	118.400	79.000	115.600	55.000		999.400	10.562.731	
6	HL-00030	Đặng Văn Tuyên	Chuyên viên	6.264.000	25	A	7.237.100										7.237.100	501.200	94.000	62.700	72.400	55.000		785.300	6.451.800	
7	HL-00077	Đoàn Duy Kháng	Chuyên viên	6.264.000	21	A	7.237.100			5	1.204.615						8.441.715	501.200	94.000	62.700	84.400	55.000		797.300	7.644.415	
8	HL-00455	Nguyễn Thị Bích Hà	Chuyên viên	5.966.000	25	A	7.237.100							54.278			7.291.378	477.300	89.500	59.700	72.900	55.000		754.400	6.536.978	
9	HL-02660	Lê Viết Quốc Anh	Chuyên viên	5.154.000	25	A	7.237.100										7.237.100	412.400	77.400	51.600	72.400	55.000		668.800	6.568.300	
10	HL-00088	Lê Bá Duy	Chuyên viên	6.264.000	18	A	8.684.900			8	1.927.385						10.612.285	501.200	94.000	62.700	106.100	55.000		819.000	9.793.285	
11	HL-01771	Nguyễn Hạnh Lâm	Chuyên viên	7.158.000	25	A	7.237.100							54.278			7.291.378	572.700	107.400	71.600	72.900	55.000		879.600	6.411.778	
12	HL-02627	Nguyễn Ngọc Hiếu	Chuyên viên	5.154.000	25	A	7.237.100										7.237.100	412.400	77.400	51.600	72.400	55.000		668.800	6.568.300	
13	HL-00318	Trần Thị Hải Ninh	Chuyên viên	6.264.000	25	A	8.684.900							65.137			8.750.037	501.200	94.000	62.700	87.500	55.000		800.400	7.949.637	
14	HL-01770	Nguyễn Thị Hương	Chuyên viên	6.264.000	25	A	7.237.100							54.278			7.291.378	501.200	94.000	62.700	72.900	55.000		785.800	6.505.578	
15	HL-03133	Vũ Hoàng Phúc	Chuyên viên	5.154.000	25	A	7.237.100							54.278			7.291.378	412.400	77.400	51.600	72.900	55.000		669.300	6.622.078	
16	HL-00480	Vũ Trọng Tiếng	Chuyên viên	5.682.000	25	A	7.237.100										7.237.100	454.600	85.300	56.900	72.400	55.000		724.200	6.512.900	
17	HL-03206	Nguyễn Văn Thịnh	Chuyên viên	5.682.000	25	A	7.237.100										7.237.100	454.600	85.300	56.900	72.400	55.000	1.069.000	1.793.200	5.443.900	
18	HL-05128	Nguyễn Văn Hiền	Chuyên viên	7.892.000	20	A	7.237.100			6	1.821.231						9.058.331	631.400	118.400	79.000	90.600	55.000		974.400	8.083.931	
19	HL-01923	Trần Trung Dũng	Chuyên viên	5.682.000	25	A	8.684.900										8.684.900	454.600	85.300	56.900	86.800	55.000		738.600	7.946.300	
20	HL-03523	Đinh Việt Hà	Chuyên viên	6.264.000	25	A	7.237.100										7.237.100	501.200	94.000	62.700	72.400	55.000		785.300	6.451.800	
21	HL-00166	Mã Thành Trung	Chuyên viên	5.682.000	25	A	7.237.100										7.237.100	454.600	85.300	56.900	72.400	55.000		724.200	6.512.900	
22	HL-00193	Lê Thị Hải Yến	Chuyên viên	6.264.000	25	A	7.237.100							54.278			7.291.378	501.200	94.000	62.700	72.900	55.000		785.800	6.505.578	
23	HL-02703	Nguyễn Trung Đức	Chuyên viên	5.411.000	18	A	7.237.100			8	1.664.923						8.902.023	432.900	81.200	54.200	89.000	55.000		712.300	8.189.723	
Tổng cộng					**538**		**189.389.150**	**5**	**1.910.000**	**39**	**10.394.231**	**5**	**1.515.769**	**425.404**	**0,30**	**417.000**	**204.051.554**	**11.874.800**	**2.227.400**	**1.485.700**	**2.040.500**	**1.265.000**	**1.069.000**	**19.962.400**	**184.089.154**	

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 9 năm 2019

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	**Nguyễn Văn Thỏa**	**Đặng Thanh Lam**	**Phạm Văn Hùng**